

Số: /KH-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Quyết định số 840/QĐ-TTg ngày 13/5/2026
của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp
công nghệ số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045
trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

Thực hiện Quyết định số 840/QĐ-TTg ngày 13/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 840/QĐ-TTg ngày 13/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; từng bước thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số phù hợp với điều kiện thực tiễn, tiềm năng, lợi thế và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Phát huy vai trò của Nhà nước trong định hướng, hỗ trợ phát triển thị trường, thúc đẩy ứng dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; khuyến khích doanh nghiệp công nghệ số tham gia nghiên cứu, phát triển, cung cấp giải pháp công nghệ số phù hợp nhu cầu thực tiễn của tỉnh.

- Gắn phát triển công nghiệp công nghệ số với các nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số và các lĩnh vực tỉnh có tiềm năng, lợi thế như kinh tế cửa khẩu, logistics, thương mại điện tử, nông nghiệp, công nghiệp, giao thông, sản phẩm OCOP, du lịch, dịch vụ công, quản lý nhà nước trên môi trường số...; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh và hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Yêu cầu

- Bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 840/QĐ-TTg; đồng thời bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn, khả năng cân đối nguồn lực và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lạng Sơn.

- Triển khai các nhiệm vụ có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên các nhiệm vụ có tính khả thi, đúng thẩm quyền, có thể kết hợp triển khai với các chương trình, kế hoạch, đề án đang triển khai trên địa bàn tỉnh; bảo đảm nhiệm vụ được giao phù hợp thẩm quyền, điều kiện thực tiễn và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương.

- Xác định rõ vai trò của địa phương trong việc phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành liên quan để quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số, dự án công nghiệp công nghệ số trên địa bàn; chuẩn bị dữ liệu, đầu mối phối hợp, nhiệm vụ đề xuất và cơ chế phối hợp triển khai phù hợp.

- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình triển khai; phân công rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian thực hiện và sản phẩm, kết quả đầu ra đối với từng nhiệm vụ cụ thể.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Triển khai hiệu quả Quyết định số 840/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh; từng bước phát triển doanh nghiệp công nghệ số, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số và thị trường công nghệ số phù hợp điều kiện thực tiễn, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số, nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu năm 2026

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Quyết định số 840/QĐ-TTg, Luật Công nghiệp công nghệ số và các chính sách, pháp luật có liên quan đến các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, tổng hợp nhu cầu, bài toán có khả năng đặt hàng, giao nhiệm vụ, thuê, mua, nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh.

- Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn bước đầu cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có liên quan về quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số.

- Rà soát, lập bước đầu danh mục doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ, giải pháp số và dự án công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030

- Duy trì, cập nhật thường xuyên Danh mục doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ, giải pháp số và dự án công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh; phục vụ quản lý nhà nước, hỗ trợ doanh nghiệp và phối hợp cập nhật cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Hàng năm rà soát, tổng hợp, đề xuất danh mục nhiệm vụ, bài toán có khả năng đặt hàng, giao nhiệm vụ, thuê, mua, nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phù hợp nhu cầu thực tiễn, khả năng nguồn lực và quy định pháp luật.

- Phân đấu giai đoạn 2026 - 2030 xây dựng tối thiểu 01 đề xuất thử nghiệm có kiểm soát đối với bài toán, sản phẩm hoặc dịch vụ ứng dụng công nghệ số phù hợp điều kiện của tỉnh, trình cấp có thẩm quyền xem xét khi có hướng dẫn và đủ điều kiện.

- Hằng năm tổ chức hoặc kết hợp tổ chức tối thiểu 01 hoạt động kết nối cung cầu, giới thiệu, quảng bá sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Make in Viet Nam giữa doanh nghiệp cung cấp giải pháp số với cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân trên địa bàn tỉnh.

2.3. Định hướng đến năm 2045

Từng bước hình thành môi trường thuận lợi để phát triển, ứng dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phát huy vai trò của công nghiệp công nghệ số trong thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng suất, năng lực cạnh tranh và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

Các nhiệm vụ được triển khai có trọng tâm, phù hợp điều kiện thực tiễn, thẩm quyền và khả năng cân đối nguồn lực; ưu tiên nhiệm vụ có nhu cầu rõ, có cơ quan sử dụng cụ thể, có khả năng tạo thị trường ban đầu và gắn với chương trình, kế hoạch, đề án của tỉnh.

1. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về công nghiệp công nghệ số

- Tổ chức phổ biến Quyết định số 840/QĐ-TTg, Luật Công nghiệp công nghệ số và các chính sách, quy định có liên quan đến phát triển công nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp công nghệ số, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Make in Viet Nam.

- Đưa nội dung công nghiệp công nghệ số vào các hoạt động truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; các hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn; Cổng thông tin điện tử, chuyên trang, chuyên mục và các kênh thông tin của tỉnh.

- Tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách, pháp luật về công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh; kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.

2. Xây dựng thông tin, dữ liệu phục vụ quản lý và hỗ trợ phát triển công nghiệp công nghệ số

- Lập, cập nhật danh mục doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ, giải pháp số và dự án công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh.

- Phân loại thông tin về sản phẩm, dịch vụ, nền tảng, giải pháp số đang được cung cấp hoặc có khả năng triển khai tại địa phương; làm cơ sở phục vụ quản lý nhà nước, hỗ trợ doanh nghiệp và kết nối cung cầu.

- Tổng hợp nhu cầu, bài toán ứng dụng, thuê, mua, đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức có liên quan.

- Chuẩn bị dữ liệu, đầu mối phối hợp và phương thức cập nhật thông tin để phục vụ việc cung cấp, cập nhật, kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các cơ sở dữ liệu có liên quan khi đủ điều kiện và theo quy định.

3. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển, cung cấp và ứng dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số

- Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh tiếp cận các chính sách, chương trình và nguồn lực hỗ trợ phù hợp theo quy định.

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia đề xuất, cung cấp, thử nghiệm, kết nối cung cầu, xúc tiến, quảng bá sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Make in Viet Nam phục vụ nhu cầu thực tiễn của tỉnh.

4. Đặt hàng, thử nghiệm, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phục vụ nhu cầu của tỉnh

- Xác định các bài toán thực tiễn của tỉnh có khả năng giao doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, đề xuất giải pháp, thử nghiệm hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.

- Ưu tiên các bài toán có nhu cầu rõ, có khả năng tạo thị trường ban đầu và phù hợp lợi thế của tỉnh như cửa khẩu số, cửa khẩu thông minh, logistics, thương mại điện tử, nông nghiệp, sản phẩm OCOP, du lịch, dịch vụ công và quản lý nhà nước trên môi trường số.

- Trên cơ sở nhu cầu, bài toán thực tiễn, đề xuất hình thức đặt hàng, giao nhiệm vụ, thuê, mua, nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phù hợp khả năng nguồn lực và quy định pháp luật; ưu tiên sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Make in Viet Nam.

- Rà soát, lựa chọn, xây dựng tối thiểu 01 đề xuất thử nghiệm có kiểm soát đối với bài toán, sản phẩm hoặc dịch vụ ứng dụng công nghệ số phù hợp điều kiện của tỉnh; trình cấp có thẩm quyền xem xét khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và đủ điều kiện pháp lý, kỹ thuật, nguồn lực.

5. Khai thác hạ tầng, dữ liệu, nền tảng số và bảo đảm an toàn thông tin phục vụ công nghiệp công nghệ số

- Khai thác hiệu quả hạ tầng viễn thông, hạ tầng số, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, hệ thống thông tin và các nền tảng số hiện có của tỉnh; rà soát nhu cầu nâng cấp, kết nối và đề xuất phát triển hạ tầng phục vụ công nghiệp công nghệ số khi có nhu cầu, đủ điều kiện và phù hợp quy hoạch, kế hoạch của tỉnh.

- Tăng cường kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước, hỗ trợ doanh nghiệp, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số và đáp ứng yêu cầu cập nhật cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số khi có hướng dẫn.

- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng cho hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số, dịch vụ công nghệ số và hệ thống dùng chung phục vụ triển khai Kế hoạch.

6. Phát triển nhân lực, kết nối cung cầu và xúc tiến sản phẩm, dịch vụ công nghệ số

- Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức tập huấn ngắn hạn về chính sách, pháp luật công nghiệp công nghệ số; kỹ năng rà soát, đề xuất bài toán công nghệ số; cập nhật, khai thác thông tin, dữ liệu; đề xuất đặt hàng, thuê, mua, thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.

- Đưa hoạt động kết nối cung cầu, giới thiệu, quảng bá sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Make in Viet Nam vào các chương trình xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, phát triển doanh nghiệp, kinh tế cửa khẩu, logistics, thương mại điện tử, nông nghiệp số, du lịch và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; nguồn chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên; nguồn lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ có liên quan; nguồn tài trợ, viện trợ, xã hội hóa, nguồn của doanh nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và pháp luật có liên quan.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và tuân thủ quy định hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

- Chủ động theo dõi, cập nhật hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành Trung ương; kịp thời tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ phù hợp thực tiễn.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về công nghiệp công nghệ số; rà soát, cập nhật thông tin về doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ, giải pháp số, dự án công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì tổng hợp danh mục nhiệm vụ, bài toán có khả năng đặt hàng, giao nhiệm vụ, thuê, mua, nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phù hợp với điều kiện của tỉnh.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tham mưu bố trí, kết hợp, huy động nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách và quy định pháp luật.

- Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí; kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định hiện hành.

- Phối hợp trong quá trình đề xuất đặt hàng, giao nhiệm vụ, thuê, mua sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sử dụng ngân sách nhà nước, bảo đảm phù hợp khả năng nguồn lực và quy định pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

3. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp tổ chức triển khai các nhiệm vụ kết nối cung cầu, xúc tiến thương mại, khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp công nghệ số của tỉnh tiếp cận thị trường nước ngoài.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp nhu cầu, bài toán lớn về khoa học công nghệ, công nghiệp công nghệ số, chuyển đổi số các lĩnh vực thuộc ngành công thương.

- Thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

4. Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, đề xuất nhu cầu, bài toán ứng dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trong lĩnh vực cửa khẩu, cửa khẩu thông minh, logistics số, dữ liệu xuất nhập khẩu và quản lý, điều hành khu kinh tế cửa khẩu.

- Chủ trì, phối hợp triển khai các nhiệm vụ liên quan đến cửa khẩu, cửa khẩu thông minh, logistics số, dữ liệu xuất nhập khẩu và các bài toán công nghệ số trong quản lý, điều hành khu vực cửa khẩu theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

5. Công an tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng trong quá trình triển khai Kế hoạch.

- Phối hợp kiểm tra, hướng dẫn, xử lý nguy cơ mất an toàn thông tin, an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số phục vụ triển khai nhiệm vụ phát triển công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh.

6. Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động tổ chức triển khai các nội dung của Kế hoạch và các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục kèm theo.

- Rà soát, đề xuất nhu cầu, bài toán ứng dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý; gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét theo quy định.

- Gắn nhiệm vụ phát triển công nghiệp công nghệ số với các chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ chuyển đổi số, cải cách hành chính, phát triển kinh tế - xã hội thuộc phạm vi quản lý; định kỳ hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp.

7. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh

- Phối hợp tuyên truyền, phổ biến nội dung Kế hoạch đến cộng đồng doanh nghiệp; vận động doanh nghiệp tham gia đề xuất nhu cầu, bài toán, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.

- Phối hợp cung cấp thông tin, phản ánh khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong nghiên cứu, phát triển, cung cấp, ứng dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Hiệp hội DN tỉnh; Hội DN nhỏ và vừa tỉnh;
- Báo và PT, TH Lạng Sơn;
- C, PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, TTTT;
- Lưu: VT, KGVX_(HTHT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thanh Sơn